

Vận dụng mô hình hồi quy trong phân tích các yếu tố tác động đến sự tuân thủ thuế của người nộp thuế tại tỉnh Trà Vinh

Trần Thị Kim Chi
Trần Kim Ngân
Trường Đại học Trà Vinh

Nghiên cứu thực hiện khảo sát tại 240 doanh nghiệp ở TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (nhân viên đang trực tiếp thực hiện công tác kê khai, kế toán thuế cho các doanh nghiệp trong khoảng thời gian từ tháng 9/2018 — tháng 01/2019). Nghiên cứu được thực hiện thông qua phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA và phân tích hồi quy tuyến tính bội để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ thuế của người nộp thuế tại TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhân tố tác động đến sự tuân thủ thuế của người nộp thuế tại TP Trà Vinh gồm 5 nhân tố: (i) kiểm tra thuế và hình phạt, (ii) tính đơn giản của việc kê khai thuế, (iii) tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế, (iv) chính sách của chính phủ và hiệu quả chi tiêu công, (v) kiến thức thuế.

1. Đặt vấn đề

Thuế là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách nhà nước. Việc người nộp thuế tuân thủ nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật sẽ tạo ra nguồn thu ngân sách lớn để đáp ứng được các nhu cầu chi của quốc gia. Nước ta đang thực hiện cơ chế quản lý thuế không can thiệp thực tiếp vào việc kê khai, nộp thuế của người nộp thuế trừ trường hợp phát hiện ra sai sót, vi phạm hoặc có dấu hiệu không tuân thủ thuế. Như vậy, việc thu thuế phụ thuộc rất nhiều vào sự tự giác tuân thủ pháp luật về thuế của người nộp thuế.

Tuy nhiên, Nước ta nói chung cũng như TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nói riêng đang đối mặt với tình trạng chống thất thu thuế mà yếu tố quan trọng nhất là mức độ tuân thủ của người nộp thuế. Việc xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ thuế của người nộp thuế tại TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh là cơ sở khoa học hữu ích giúp chỉ các thuế TP Trà Vinh cũng như các cơ quan thuế lựa chọn và đề ra những chiến lược quản lý thu thuế phù hợp, hiệu quả và đầy đủ.

2. Tổng quan lý luận

2.1. Khái niệm về tuân thủ thuế

Có rất nhiều tác giả đưa ra khái niệm về thuật ngữ tuân thủ thuế từ nhiều góc độ khác nhau. Theo Kirchler (2007) thì Tuân thủ thuế là một thuật ngữ miêu tả việc người nộp thuế sẵn sàng nộp tiền thuế. Còn theo Singh (2003) cho rằng tuân thủ thuế là hành động của một người nộp tờ khai thuế, công khai chính xác các khoản thu nhập chịu thuế và thanh toán tất cả các khoản thuế phải nộp trong thời hạn quy định của cơ quan thuế.

2.2. Các thước đo về mức độ tuân thủ thuế

Dựa trên quy trình quản lý thuế thì mức độ tuân thủ thuế gồm 3 giai đoạn chính là: nộp tờ khai, khai thuế và nộp thuế.

Tuân thủ về nộp tờ khai: nộp tờ khai đúng hạn theo quy định của cơ quan thuế.

Tuân thủ về kê khai thuế: khai trung thực và tính toán chính xác các khoản thu nhập chịu thuế, doanh thu và sản lượng liên quan đến thuế.

Tuân thủ trong nộp thuế: nộp đúng hạn và toàn bộ nghĩa vụ thuế mà người nộp thuế phải nộp.

2.3. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên cơ sở kết thừa các nghiên cứu trước ở trong nước và ngoài nước, mô hình nghiên cứu được tác giả đề xuất bao gồm các nhân tố sau:

(1) Thuế suất: Nghiên cứu Raymond Fisman và Shang — Jin Wei (2004) cho rằng khoản trốn thuế có mối liên hệ rất cao với thuế suất. Khoản thất thu thuế càng lớn khi thuế suất càng cao.

(2) Kiểm tra thuế và hình phạt: Theo nghiên cứu của Eisenhauer (2008) cho thấy kiểm tra thuế đóng vai trò rất quan trọng trong việc tối thiểu hóa hành vi không tuân thủ thuế. Còn theo Wite và Woodbury (1985) tìm ra mối quan hệ đáng kể giữa các biện pháp trừng phạt hình sự và tuân thủ thuế.

(3) Tính đơn giản của việc kê khai thuế: Richardson (2006) phát hiện mối quan hệ giữa tính phức tạp của hệ thống thuế với quyết định tuân thủ thuế.

(4) Tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế: nghiên cứu của Hasseldine và Li (1999) kết luận rằng để hạn

chế việc trốn thuế thì cần đặt chính phủ và cơ quan thuế vào vị trí trọng yếu phải quản lý hệ thống thuế một cách hiệu quả liên tục.

(5) Chính sách của chính phủ và hiệu quả chỉ tiêu công: theo Richardson (2006) công bằng của hệ thống thuế theo nhận định của người nộp thuế có mối quan hệ chặt chẽ với tuân thủ thuế.

(6) Kiến thức về thuế của doanh nghiệp: Nghiên cứu của Singh (2003) đã chứng minh rằng kiến thức chung về thuế có quan hệ mật thiết đến khả năng hiểu pháp luật và các quy định về thuế và từ đó tuân thủ thuế tốt hơn.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện kiểm định các giả thuyết nghiên cứu đề tài sử dụng số liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp những nhân viên đang trực tiếp thực hiện công tác kê khai và kế toán thuế tại 240 doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đề tài sử dụng các phương pháp sau: (i) Đánh giá hệ số tin cậy Cronbach Alpha, (ii) phân tích nhân tố khám phá EFA, (iii) Phân tích hồi quy đa biến.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kiểm định độ tin cậy của các thang đo

Kiểm định Cronbach's Alpha sẽ loại những biến rác trong mô hình, vì những biến rác này có thể tạo nên nhân tố giả tạo gây nhầm lẫn khi thực hiện phân tích nhân tố EFA. Các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng (item — total correlation) nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại và thang đo được chọn khi hệ số Cronbach's Alpha từ 0,6 trở lên (Nunnally và Cộng sự, 1994). Qua kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo của 33 biến quan sát trong đó có 31 biến quan sát được chấp nhận và 2 biến quan sát bị loại.

Bảng 1. Kết quả kiểm định các thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Các yếu tố	Số biến quan sát được chấp nhận	Hệ số Cronbach's Alpha
Thuế suất (X1)	03	0,779
Kiểm tra thuế và hình phạt (X2)	06	0,908
Tình đơn giản của việc kê khai thuế (X3)	05	0,826
Tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế (X4)	04	0,849
Chính sách của chính phủ và hiệu quả chi tiêu công (X5)	05	0,784
Kiến thức về thuế của doanh nghiệp (X6)	05	0,869
Tuân thủ thuế (Y)	03	0,807

4.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Kết quả thực hiện kiểm định: Kiểm định tính thích hợp của mô hình (0,5 < KMO = 0,78 < 1); Kiểm định Bartlett có Sig. = 0,000 < 1%; 5%; Kiểm định có phương sai cộng dồn (Cumulative variance = 65,68% > 50%).

4.3. Kiểm định các giả thuyết cần thiết trong mô hình phân tích hồi quy

+ Xét ma trận tương quan: các biến có giá trị sig. (2 — tailed) < 0,5 theo hàng biến phụ thuộc được

chọn làm các biến độc lập để chạy hàm hồi quy đa biến. Kết quả có 5 biến (Kiểm tra thuế và hình phạt tính đơn giản của việc kê khai thuế, tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế, chính sách của chính phủ và hiệu quả chi tiêu công và kiến thức về thuế của doanh nghiệp) có giá trị sig. (2 — tailed) < 0,5 nên được lựa chọn làm các biến độc lập để chạy hàm hồi quy đa biến.

+ Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến: Kết quả kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến của mô hình, ta thấy hệ số phóng đại phương sai VIF rất thấp (< 2, điều này chứng tỏ hiện tượng đa cộng tuyến không xảy ra với các biến độc lập.

+ Kiểm định về tính độc lập của phần dư: dựa vào thống kê Durbin — Watson (d) của hàm hồi quy có giá trị là 1,979 < 3 cho thấy: không có hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc 1 hay nói cách khác các phần dư ước lượng của mô hình độc lập, không có mối quan hệ tuyến tính với nhau.

Bảng 2: Kết quả chạy Durbin - Watson

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R ²	Hệ số R ² - hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Durbin-Watson
1	,825 ^a	,681	,674	,30201	1,979

a. Predictors (Constant), CS, KTHP, TT, KT, DG
b. Dependent Variable: Y

Bảng 3. Bảng kết quả hồi quy

Biến độc lập	Hệ số chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t _{stat}	Sig.	Thông kê đa cộng tuyến	
	B	Std. Error				Beta	Tolerance
Constant	-.382	,198		-1,928	,055		
TT	,206	,024	,315	8,433	,000	,976	1,025
DG	,224	,026	,344	8,623	,000	,857	1,167
KTHP	,132	,027	,179	4,814	,000	,988	1,012
KT	,314	,028	,428	11,260	,000	,942	1,062
CS	,167	,032	,201	5,159	,000	,897	1,115

4.4. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình có độ tin cậy đạt yêu cầu (R² hiệu chỉnh = 0,674). Điều này có nghĩa 67,4% sự biến thiên của việc tuân thủ thuế của người nộp thuế tại TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh được giải thích bởi 5 biến độc lập trong mô hình với độ tin cậy 95%.

Phương trình hồi quy được viết lại như sau:

$$\text{Tuân thủ Thuế} = 0,315 * \text{TT} + 0,344 * \text{DG} + 0,179 * \text{KTHP} + 0,428 * \text{KT} + 0,201 * \text{CS}$$

Hành vi tuân thủ thuế tại các doanh nghiệp trên địa bàn TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh được tác giả đo lường bởi 6 nhân tố ảnh hưởng. Thông qua các kiểm định mô hình nghiên cứu có 5 nhân tố tác động đến việc tuân thủ thuế bao gồm (1) kiểm tra thuế và hình phạt (2) tình đơn giản của việc kê khai thuế, (3) tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế, (4) chính sách của chính phủ và hiệu quả chi tiêu công, (5) kiến thức thuế. Trong đó, nhân tố kiến thức thuế có mức độ ảnh hưởng mạnh nhất.

5. Khuyến nghị giải pháp nâng cao sự tuân thủ thuế của người nộp thuế

(1) Kiến thức thuế: cần xây dựng đội ngũ công chức thuế chuyên nghiệp và tận tâm như thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về thuế để cập nhật kịp thời, nhanh chóng và chính xác các chính sách và quy định hiện hành về thuế. Bên cạnh đó, Cơ quan thuế cần chú trọng từ khâu tuyển dụng, đào tạo, đánh giá nhân lực về hiệu quả, đạo đức cũng như đổi mới chính sách đãi ngộ để nâng cao sự phục vụ của cán bộ thuế. Ngoài ra, tăng cường bồi dưỡng kiến thức cho người nộp thuế thông qua việc cơ quan thuế tổ chức các lớp tập huấn.

(2) Tinh đơn giản của việc kê khai thuế: đơn giản hóa các thủ tục hồ sơ khai và hoàn thuế; tài liệu hướng dẫn cần chi tiết, rõ ràng, dễ hiểu; chỉ tiêu trên tờ khai cần tinh gọn các chỉ tiêu cần thiết cho Doanh nghiệp thiết kế nội dung cho phù hợp với đặc thù của từng doanh nghiệp nhưng vẫn đáp ứng được nội dung theo yêu cầu của cơ quan thuế.

(3) Tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế: Cán bộ thuế cần chủ động đón đầu nhắc nhở và hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc kê khai và nộp thuế đúng theo quy định. Đa dạng hóa và phát triển nhiều hình thức tuyên truyền khác nhau như báo, truyền hình, internet, mở hội thảo... về những chính sách thuế mới. Tổ chức thường xuyên các cuộc khảo sát mức độ hài lòng của người nộp thuế để cải thiện thái độ và tinh thần hỗ trợ người nộp thuế của cán bộ thuế.

(4) Chính sách của chính phủ và hiệu quả chi tiêu công: Các chính sách miễn, giảm, gia hạn thời gian nộp thuế cần đưa ra kịp thời và có kế hoạch nhằm thúc đẩy sự phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh giúp tăng trưởng kinh tế; đồng thời cũng tạo điều kiện hơn cho việc doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ thuế. Ngoài ra, các khoản chi tiêu công hợp lý và hiệu quả sẽ tác động tích cực đến sự tuân thủ thuế của người nộp thuế hơn.

(5) Kiểm tra và hình phạt thuế: Cơ quan thuế cần xây dựng các tiêu chí đánh giá rủi ro về thuế để lập kế hoạch kiểm tra thuế. Đổi mới cách đánh giá rủi ro về thuế của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, chính phủ cần điều chỉnh các hình thức xử phạt vi phạm hành chính về thuế đủ sức răn đe đối với các doanh nghiệp và phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

6. Kết luận

Nghiên cứu đã đưa ra một cái nhìn khái quát về các nhân tố ảnh hưởng đến việc tuân thủ thuế của người nộp thuế tại TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm giúp các cơ quan thuế, chính phủ đưa ra các biện pháp phù hợp hơn để tăng cường sự tuân thủ của người nộp thuế. Kết quả nghiên cứu cũng sẽ làm tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo

tại địa phương khác, từng loại thuế hoặc từng loại hình doanh nghiệp./.

Tài liệu tham khảo

Tổng cục thuế (2015), Quy trình kiểm tra thuế, Quyết định số 746/QĐ — TCT ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Bộ Tài chính (2013), Quy trình chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, Quy định 166/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013.

G. Chau and P.Leung, (2009), "A critical review of Fischer tax compliance model: A research synthesis", journal of Accounting and Taxation, Vol (2).

Kichler.E (2007), The Economic Psychology of Tax Behaviour, Cambridge: Cambridge University press.

Witte.A and Woodbury.D.F (1985), What we know about the factors affecting compliance with the tax law? In P.Sawicki (ed.), Income tax compliance: A report of The ABA Section of Taxation Invitation Conference on Income Tax Compliance, 133-148, American Barr, Association, Chicago.